

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Cường.

2. Bà Cái Thị Duyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị N, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn B, xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; Nơi ở hiện nay: Số đường NH, phường N, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Kiệt đường T, phường P, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 23 tháng 9 năm 2022, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Hồ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Trần T có đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2015 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh T ham chơi, hay cờ bạc, nợ nần, không chăm lo cho vợ con nên Chị N đã đưa con về nhà cha mẹ để sinh sống. Chị N và anh T sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Nay Chị N không còn tình cảm gì với anh T, vì vậy Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần T.

Về con chung: Chị Hồ Thị N trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Trần Minh T, sinh ngày 03/02/2016. Hiện nay cháu Tâm đang ở với chị Nhung. Chị Nhung yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần T biết việc Chị N xin ly hôn nhưng trong thời hạn luật định anh T không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương về lý do mâu thuẫn giữa anh T và chị Nhung. Qua xác minh thông tin tại Ủy ban nhân dân phường Phú Bài và tại biên bản xác minh ngày 02/11/2022, bà Nguyễn Thị H là bà ngoại của anh T và anh Trần Đ là anh em trai của anh T cung cấp: Anh Trần T và chị Hồ Thị N kết hôn năm 2015 đến năm 2016 Chị N sinh con xong và bỏ về nhà cha mẹ ở từ đó đến nay khoảng 06 – 07 năm mà không nói với gia đình biết. Hiện nay anh T đang làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng lễ, Tết có về nhà thăm gia đình, anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Về lý do ly hôn của Chị N và anh T thì mọi người trong gia đình không biết, chỉ biết Chị N bỏ đi từ khi sinh con đến nay không quay lại.

Tại phiên tòa ngày 20/12/2022, anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 16/01/2023, đồng thời tổng đạt hợp lệ các văn bản trên cho anh Tấn. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Hồ Thị N được ly hôn anh Trần T; giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 03/02/2016 cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí dân sự: Buộc chị Hồ Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Trần T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày và vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn, đồng thời xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Trần T có đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa Chị N và anh T đã phát sinh mâu thuẫn theo Chị N trình bày do anh T không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng Chị N và anh T đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Chị N không còn tình cảm và cũng không trở về chung sống với anh T. Anh T cũng bỏ mặc và không có ý kiến về việc Chị N ly hôn. Điều này chứng tỏ anh T không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Hồ Thị N. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Hồ Thị N và anh Trần T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn với anh T của chị Nhung.

Về con chung: Chị Hồ Thị N và anh Trần T có 01 người con chung là Trần Minh T, sinh ngày 03/02/2016. Hiện cháu T đang ở với chị Nhung.

Xét yêu cầu nuôi con của Chị N thấy rằng: Chị N có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con; anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của con nên cần giao con cho Chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tâm đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hồ Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N. Chị Hồ Thị N được ly hôn anh Trần T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh T , sinh ngày 03/02/2016 cho chị Hồ Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Tâm đủ 18 tuổi.

Anh Trần T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng : Anh Trần T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Buộc chị Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà Chị N đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003603 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Hồ Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THA DS thị xã Hương Thủy ;
- UBND phường Phú Bài ;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ, lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Châu

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ**
TỌA PHIÊN TÒA

